|  |  |
| --- | --- |
|  TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT**KHOA: VẬN TẢI-KINH TẾ**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
|  |  *Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2021* |

**CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3**

**Ngành đào tạo: Kinh tế (Economics)**

**Mã ngành: 7.31.01.01**

**Trình độ đào tạo: Đại học chính quy (Cấp bằng: Cử nhân)**

| **Nhóm** | **Mã** | **CHUẨN ĐẦU RA** | **CDIO** | **Mức độ bloom** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm kiến thức cơ bản** |  | Nắm vững và luận giải kiến thức về lý luận chính trị. |  | 3 |
|  | Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản (như kiến thức toán học, xác suất, thống kê, tin học…) để phân tích/giải quyết các hoạt động kinh tế, quản lý kinh doanh. |  | 3 |
|  | Phân tích, lý giải được bản chất của các vấn đề kinh tế xã hội. |  | 3 |
|  | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngành kinh tế, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng để phân tích/giải quyết các vấn đề kinh tế. |  | 3 |
|  | Sử dụng được ngoại ngữ để nghiên cứu tài liệu và giao tiếp được bằng ngoại ngữ. |  | 3 |
| **Nhóm kiến thức cơ sở ngành** |  | Phân tích được sự khan hiếm nguồn lực, hành vi của nhà sản xuất, người tiêu dùng trên thị trường. |  | 3 |
|  | Luận giải được các chính sách kinh tế vĩ mô (như tài chính tiền tệ, tài khóa, lạm phát, thất nghiệp, …). |  | 3 |
|  | Giải thích được các mô hình, các nguồn lực trong tăng trưởng, phát triển kinh tế. |  | 3 |
|  | Lý giải và vận dụng kiến thức pháp luật trong lĩnh vực kinh tế. |  | 3 |
|  | Lựa chọn được phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu thống kê. |  | 3 |
|  | Vận dụng được những nguyên tắc cơ bản về các nghiệp vụ kế toán, hệ thống tài khoản, quy trình sổ sách và hạch toán. |  | 3 |
|  | Phân tích thị trường và cách thức thỏa mãn nhu cầu thị trường. |  | 3 |
|  | Phân tích, đánh giá các loại rủi ro. |  | 3 |
|  | Luận giải các hoạt động kinh tế trong môi trường quốc tế. |  | 3 |
|  | Hệ thống hóa các nguyên lý quản lý và các chức năng quản lý |  | 3 |
|  | Nắm được các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới. |  | 3 |
|  | Vận dụng những xu hướng có tính quy luật vào việc hoạch định chính sách quản lý nguồn nhân lực ở tầm vĩ mô. |  | 3 |
| **Nhóm kiến thức chuyên môn ngành**  |  | Đánh giá cơ hội, xây dựng các kế hoạch triển khai ý tưởng kinh doanh. |  | 4 |
|  | Phân tích được vốn, nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của trên thị trường. |  | 4 |
|  | Ứng dụng toán và các phương pháp thống kê trong hoạt động kinh tế. |  | 4 |
| **Nhóm kiến thức chuyên ngành Kinh tế Bưu chính Viễn thông** |  | Phân tích, luận giải các đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của ngành bưu chính viễn thông để quản lý và khai thác hiệu quả. |  | 4 |
|  | Phân tích, đánh giá được thị trường dịch vụ bưu chính viễn thông, các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp/ngành bưu chính viễn thông. |  | 4 |
|  | Phân tích, đánh giá được các vấn đề kinh tế và đánh giá kết quả, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp/ ngành bưu chính viễn thông. |  | 4 |
|  | Xử lý và thực hiện các mối quan hệ tài chính của doanh nghiệp/ ngành bưu chính viễn thông |  | 4 |
|  | Vận dụng được những nguyên tắc về các nghiệp vụ kế toán, hệ thống tài khoản, quy trình sổ sách và hạch toán trong doanh nghiệp/ngành bưu chính viễn thông. |  | 4 |
| **Nhóm kiến thức chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đầu tư** | CĐR 21 | Nắm vững các kiến thức về pháp luật đầu tư, đầu tư công để giải thích các vấn đề nảy sinh trong quá trình đầu tư kinh tế; | 1.3.4 | 4 |
| CĐR 22 | Nắm vững các kiến thức về xúc tiến đầu tư và các phương thức đầu tư quốc tế để giải thích các vấn đề nảy sinh trong quá trình đầu tư kinh tế; | 1.3.5 | 4 |
| CĐR 23 | Nắm vững các kiến thức về định giá tài sản, phân tích lợi ích - chi phí… để có thể phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong quá trình đầu tư; quản lý đầu tư; | 1.3.6 | 4 |
| CĐR 24 | Nắm vững các kiến thức về tài chính, kế toán phục vụ cho hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư; | 1.3.7 | 4 |
| CĐR 25 | Nắm vững kiến thức về đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bất động sản,… | 1.3.8 | 4 |
| **Nhóm kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp** |  | Phát hiện và trình bày vấn đề. |  | 4 |
|  | Xây dựng mối liên hệ, mô hình hóa các vấn đề. |  | 4 |
|  | Phân tích, đánh giá nguyên nhân trong điều kiện cụ thể. |  | 4 |
|  | Xây dựng, đề xuất giải pháp, lập kế hoạch giải quyết. |  | 4 |
|  | Phân tích, tổng hợp và kiểm soát vấn đề.  |  | 4 |
|  | Hình thành các giả thuyết liên quan đến vấn đề cụ thể. |  | 4 |
|  | Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu, thông tin. |  | 4 |
|  | Nghiên cứu, điều tra thực nghiệm. |  | 4 |
|  | Kiểm định giả thuyết. |  | 4 |
|  | Ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn. |  | 4 |
|  | Hình thành tư duy logic hệ thống. |  | 4 |
|  | Phát hiện mối quan hệ giữa các vấn đề. |  | 4 |
|  | Xác định vấn đề ưu tiên trong hệ thống. |  | 4 |
|  | Phân tích, so sánh, lựa chọn vấn đề tối ưu. |  | 4 |
|  | Xây dựng tư duy phân tích đa chiều. |  | 4 |
|  | Bình tĩnh, tự tin. |  | 3 |
|  | Kiên định với mục tiêu, luôn cố gắng giữ vững niềm tin và sự lạc quan. |  | 3 |
|  | Trung thực, khách quan. |  | 3 |
|  | Cẩn thận, chi tiết trong công việc. |  | 3 |
|  | Nhận thức xã hội, nhận thức được phản ứng của người khác và hiểu được lý do tại sao họ phản ứng như vậy. |  | 3 |
|  | Hình thành tư duy phê phán, tự phản biện định những điểm mạnh – điểm yếu của các giải pháp thay thế, kết luận, cách tiếp cận vấn đề. |  | 3 |
|  | Hình thành khả năng làm việc độc lập. |  | 3 |
|  | Quản lý thời gian và các nguồn lực cá nhân khác. |  | 3 |
|  | Xây dựng ý thức đổi mới, chủ động học tập. |  | 3 |
|  | Luôn sẵn sàng và có khả năng dẫn dắt, phụ trách, và đưa ra ý kiến tạo ảnh hưởng, tích cực hóa hành vi của cá nhân hoặc nhóm. |  | 3 |
|  | Có khả năng giám sát/đánh giá hiệu suất công việc của mình, các cá nhân khác, hoặc tổ chức để cải thiện hoặc có hành động khắc phục. |  | 3 |
|  | Có tinh thần trách nhiệm trong công việc. |  | 3 |
|  | Có ý thức và tác phong làm việc chuyên nghiệp. |  | 3 |
|  | Chịu áp lực tốt. |  | 3 |
|  | Thấu hiểu đối tác, khách hàng trong lĩnh vực kinh doanh. |  | 3 |
|  | Đàm phán, thuyết phục và ra quyết định hiệu quả. |  | 3 |
|  | Hiểu biết và tuân thủ pháp luật. |  | 3 |
|  | Coi trọng vai trò, trách nhiệm cá nhân với xã hội. |  | 3 |
|  | Sẵn sàng chia sẻ, tương trợ.  |  | 3 |
| **Nhóm kỹ năng phối hợp giữa các cá nhân** |  | Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả. |  | 4 |
|  | Thiết lập mối liên hệ trong vận hành nhóm. |  | 4 |
|  | Xây dựng lộ trình phát triển nhóm. |  | 4 |
|  | Lựa chọn thích hợp hành vi lãnh đạo nhóm. |  | 4 |
|  | Dễ dàng thích nghi trong các nhóm khác nhau. |  | 4 |
|  | Lập kế hoạch chiến lược giao tiếp. |  | 4 |
|  | Xây dựng cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng, …). |  | 4 |
|  | Khéo léo trong giao tiếp bằng lời nói. |  | 4 |
|  | Chuyên nghiệp trong giao tiếp bằng văn bản. |  | 4 |
|  | Lựa chọn thích hợp và vận dụng tốt các phương thức giao tiếp, truyền thông hiện đại (như internet, mạng viễn thông). |  | 4 |
|  | Thuyết trình chuyên nghiệp. |  | 4 |
|  | Biết cách lắng nghe và đối thoại. |  | 4 |
|  | Biết cách đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột. |  | 4 |
|  | Biết cách vận động, thuyết phục đối tác. |  | 4 |
|  | Biết cách thiết lập liên kết đối với các cá nhân khác. |  | 4 |
|  | Giao tiếp, trao đổi nghiệp vụ thành thạo bằng tiếng Anh. |  | 3 |
| **Nhóm năng lực CDIO** |  | Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của cử nhân kinh tế đối với xã hội. |  | 4 |
|  | Nhận thức được tác động của kinh tế đối với xã hội và môi trường. |  | 4 |
|  | Lý giải các chuẩn mực, quy định xã hội với hoạt động kinh tế. |  | 4 |
|  | Phân tích được bối cảnh lịch sử và văn hóa. |  | 4 |
|  | Phân tích được các vấn đề mang tính thời sự về chính trị, xã hội, pháp lý và môi trường. |  | 4 |
|  | Phân tích bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa với hoạt động kinh tế. |  | 4 |
|  | Hiểu được tính bền vững và nhu cầu phát triển bền vững trong hoạt động kinh tế. |  | 4 |
|  | Lý giải được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của doanh nghiệp. |  | 4 |
|  | Phân tích được chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp. |  | 4 |
|  | Nhận thức được vai trò và nghĩa vụ của các bên liên quan đối với hoạt động kinh tế của doanh nghiệp (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.). |  | 4 |
|  | Lý giải sự cần thiết phải thích ứng tại các vị trí, trong các môi trường, tổ chức trong và ngoài nước khác nhau. |  | 4 |
|  | Phân tích, hệ thống hóa, phát hiện các vấn đề kinh tế phù hợp với bối cảnh chung và bối cảnh cụ thể của doanh nghiệp. |  | 4 |
|  | Phân tích, nhận diện cơ hội. |  | 4 |
|  | Xác định nhu cầu, mục tiêu, hình thành ý tưởng. |  | 4 |
|  | Hệ thống hóa quy trình lập phương án/dự án/kế hoạch trong hoạt động kinh tế. |  | 4 |
|  | Xây dựng các phương án/dự án/kế hoạch triển khai các ý tưởng, cơ hội kinh doanh. |  | 4 |
|  | Đánh giá, lý giải được phương án/dự án/kế hoạch kinh doanh. |  | 4 |
|  | Phân tích, chuẩn bị nguồn lực. |  | 4 |
|  | Xây dựng mối liên hệ và triển khai các nguồn lực hữu hiệu. |  | 4 |
|  | Xây dựng kế hoạch truyền thông thực thi phương án/dự án/kế hoạch. |  | 4 |
|  | Tổng hợp và luận giải hoạt động đào tạo, huấn luyện. |  | 4 |
|  | Phân tích được hoạt động động viên, khuyến khích nhân viên. |  | 4 |
|  | Quản lý quá trình triển khai. |  | 4 |
|  | Phân tích và xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá. |  | 4 |
|  | Triển khai phân tích, đánh giá. |  | 4 |
|  | Lý giải và hệ thống hóa các vấn đề, cơ hội gia tăng giá trị.  |  | 4 |
|  | Bình luận các phương án hiệu chỉnh và cải tiến nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh tế. |  | 4 |
|  | Duy trì hệ thống quản lý đổi mới, sáng tạo. |  | 4 |

**Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp Ngành Kinh tế có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:

1. Cán bộ hoạch định chính sách, cán bộ quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;
2. Chuyên viên phân tích kinh tế, chuyên viên phân tích tài chính, chuyên viên tư vấn đầu tư tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế;
3. Nghiên cứu viên, giảng viên trong ngành kinh tế tại các trường Đại học, các Viện, Học viện.

**Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Có thể tiếp tục học bằng đại học thứ 2 của các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh,… trong trường hoặc ngoài trường. Có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước. Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.